

Bản án số: 86/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hưng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Trường.

2. Bà Phạm Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 55/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2019/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ O, Khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (Có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ A, khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà Nguyễn Thị Kim P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng đến tháng 02/2014 ông S và bà P mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T (nay là phường T, thị xã P). Thời gian đầu ông bà sống với nhau hạnh phúc đến tháng 3/2018 thì vợ chồng ông S bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau mặc dù ông S và bà P đã tìm ra hướng giải quyết nhưng không được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông S được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim P.

Về con chung: Ông S và bà Nguyễn Thị Kim P có 02 người con chung là cháu Trần Thị Bích T, sinh năm 1994 và cháu Trần Thị Bích T, sinh ngày 2002. Sau khi ly hôn, ông S đồng ý để bà P sẽ nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành, ông không phải cấp dưỡng. Cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông S và bà P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2019 và Biên bản hòa giải bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con cái bà P xác nhận là đúng như ông S trình bày, nay vì có nhiều vấn đề về tài sản giữa bà P và ông S chưa giải quyết được nên bà P không đồng ý với yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn S.

Về con chung do cháu Trần Thị Bích T, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Trần Thị Bích T, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2002 hiện đang ở với bà P tại tổ A, khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu và bà P vẫn có nguyện vọng nuôi cháu T mà không yêu cầu ông S cấp dưỡng hàng tháng.

Về nợ chung và tài sản chung: Bà P và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S. Về án phí ông S phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ông S khởi kiện bà P có địa chỉ tại tổ A, khu phố Ô, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, yêu cầu được ly hôn với bà P và yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Căn cứ Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ và quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nhưng phía bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, ông S và bà P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào năm 1993, nhưng đến ngày 22/02/2014 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10/2014. Vì vậy; Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà P là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu ông S và bà P sống với nhau hạnh phúc. Nhưng đến tháng 3/2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có niềm tin với nhau mặc dù ông S và bà P đã cố gắng tìm ra hướng giải quyết nhưng không được, vì vậy cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng. Hiện tại hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, bản thân ông S đã xuất gia trở thành tu sĩ.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa ông S và bà P ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho ông Nguyễn Văn S được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim P.

[2.2] Về nuôi con chung, cấp dưỡng: Bà P và ông S có 02 người con chung là cháu Trần Thị Bích T, sinh năm 1994 và cháu Trần Thị Bích T, sinh năm 2002. Cháu T đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

Còn cháu T từ nhỏ cho đến nay vẫn sống với mẹ, được chăm sóc, cho đi học bình thường; bản thân cháu T là con gái, cần sự chăm sóc, gần gũi của mẹ, ông S cũng đồng ý giao cháu T cho bà P nuôi dưỡng. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trần Thị Bích T cho bà P trực tiếp nuôi đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con thì bà T không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung:

[3.3] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P đề nghị Tòa án cho thời gian 07 ngày để bà P suy nghĩ việc có khởi kiện yêu cầu giải quyết tài sản chung của vợ chồng và bà P sẽ có ý kiến gửi cho Tòa án. Bà P cam kết nếu quá thời gian này, mà bà P không có văn bản nêu ý kiến của mình nộp cho Tòa án thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đã quá thời gian quy định nhưng bà P không có đơn yêu cầu gì về vấn đề tài sản chung, cấp dưỡng nuôi con nên coi như bà P từ bỏ yêu cầu của mình. Tòa án sẽ không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ giành quyền khởi kiện cho bà P bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3.4] Về nợ chung do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S đối với bà Nguyễn Thị Kim P về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn S được ly hôn với ông Nguyễn Thị Kim P.

- Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Trần Thị Bích T, sinh ngày 20/3/2002 cho bà Nguyễn Thị Kim P trực tiếp nuôi đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông S không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Ông Trần Văn S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn S phải chịu án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0010568 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, như vậy ông S đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TX Phú Mỹ;
- UBND phường T;
- Chi cục THADS TX Phú Mỹ;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Phạm Xuân Hưng

